|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TỈNH QUẢNG NAM**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022-2023****Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 12**Thời gian: **45 phút** *(không kể thời gian giao đề)*

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ 701**  |

 |

*Họ, tên học sinh:............................................................... Lớp: .................... SBD: ........................*

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có lượng mưa trung bình tháng VIII cao nhất trong các địa điểm sau đây?

 **A.** Sa Pa. **B.** Hà Nội. **C.** Lạng Sơn. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Biển Đông?

 **A.** Tuyên Quang. **B.** Quảng Ninh. **C.** Yên Bái. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 3:** Biện pháp mở rộng rừng đặc dụng ở nước ta là

 **A.** tăng khai thác rừng. **B.** tăng vườn quốc gia.

 **C.** trồng rừng ven biển. **D.** trồng rừng hàng năm.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

 **A.** Hòn Mê. **B.** Biện Sơn. **C.** Cái Bầu. **D.** Hòn Mắt.

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết nơi nào sau đây có vườn quốc gia trên đảo?

 **A.** Bù Gia Mập. **B.** Phú Quốc. **C.** Cát Tiên. **D.** Núi Chúa.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết địa điểm nào sau đây nằm ở phía bắc cửa Trà Lí?

 **A.** Cửa Lạch Giang. **B.** Cửa Lạch Trường.

 **C.** Cửa Thái Bình. **D.** Cửa Lạch Trào.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Trung Quốc?

 **A.** Yên Bái. **B.** Tuyên Quang. **C.** Cao Bằng. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trạm thủy văn Củng Sơn ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

 **A.** Sông Mã. **B.** Sông Thái Bình. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Ba.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có sét, cao lanh?

 **A.** Thạch Khê. **B.** Lệ Thủy. **C.** Phú Vang. **D.** Quỳ Châu.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

 **A.** Điện Biên Phủ. **B.** Hà Nội. **C.** Nha Trang. **D.** Sa Pa.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

 **A.** Pha Luông. **B.** Tam Đảo. **C.** Phu Luông. **D.** Phanxipăng.

**Câu 12:** Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc ở vùng đồi núi nước ta bằng các biện pháp

 **A.** nông - lâm kết hợp. **B.** trồng rừng ngập mặn.

 **C.** chống nhiễm phèn. **D.** bón phân hoá học.

**Câu 13:** Gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam là đặc điểm địa hình của vùng núi nào sau đây?

 **A.** Đông Bắc. **B.** Tây Bắc.

 **C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 14:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên có

 **A.** nhiều loài ôn đới. **B.** hình thể kéo dài.

 **C.** tổng lượng mưa lớn. **D.** số giờ nắng nhiều.

**Câu 15:** Đồng bằng ven biển miền Trung nước ta có đặc điểm là

 **A.** bờ biển thấp, phẳng. **B.** thềm lục địa mở rộng.

 **C.** khá thấp và bằng phẳng. **D.** đồi núi lan ra sát biển.

**Câu 16:** Biểu hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa củaBiển Đông là

 **A.** lạnh ẩm quanh năm. **B.** cónhiều dòng biển.

 **C.** nền nhiệt ẩm cao. **D.** độ mặn không lớn.

**Câu 17:** Vị trí địa lí của nước ta

 **A.** phần lớn nằm ở bán cầu Tây. **B.** tiếp giáp với hai đại dương lớn.

 **C.** ở trung tâm lục địa Á – Âu. **D.** ở đông nam khu vực châu Á.

**Câu 18:** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

 **A.** hoạt động của bão. **B.** có nhiều đồi núi.

 **C.** lãnh thổ kéo dài. **D.** khí hậu phân mùa.

**Câu 19:** Mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta là do tác động của loại gió nào sau đây?

 **A.** Gió phơn Tây Nam. **B.** Gió mùa Tây Nam.

 **C.** Tín phong bán cầu Bắc. **D.** Gió mùa Đông Bắc.

**Câu 20:** Cảnh quan thiên nhiên chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp của nước ta là

 **A.** rừng nhiệt đới gió mùa. **B.** rừng ôn đới gió mùa.

 **C.** rừng cận nhiệt đới khô. **D.** rừng nhiệt đới khô hạn.

**Câu 21:** Loại thiên tai nào sau đây làm thu hẹp diện tích trồng trọt ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

 **A.** Lũ quét. **B.** Bão.

 **C.** Cát bay, cát chảy. **D.** Động đất.

**Câu 22:** Đặc điểm thời tiết, khí hậu do gió mùa Tây Nam gây ra ở Nam Bộ là

 **A.** mưa nhiều. **B.** khô, nóng. **C.** lạnh, khô. **D.** lạnh, ẩm.

**Câu 23:** Phần lãnh thổ phía Bắc, số tháng lạnh giảm dần theo chiều Bắc - Nam là do gió mùa Đông Bắc suy yếu kết hợp với

 **A.** thềm lục địa thu hẹp. **B.** lãnh thổ hẹp ngang.

 **C.** địa hình thấp dần. **D.** bức chắn địa hình.

**Câu 24:** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính gây ra kiểu thời tiết mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta?

 **A.** gió mùa Tây Nam. **B.** gió mùa mùa hạ.

 **C.** gió mùa Đông Bắc. **D.** Tín phong Đông Bắc.

**Câu 25:** Nhóm đất chủ yếu của đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta là

 **A.** đấtmùn thô. **B.** đất feralit. **C.** đấtphù sa cổ. **D.** đất phù sa.

**Câu 26:** Ở nước ta, độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở phần lãnh thổ phía Nam cao hơn phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu là do

 **A.** ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam. **B.** có nhiệt độ nóng quanh năm.

 **C.** Tín phong hoạt động mạnh hơn. **D.** miền Nam giáp biển nhiều hơn.

**Câu 27:** Địa hình phổ biến ở vùng núi đá vôi nước ta là

 **A.** cacxtơ. **B.** đồng bằng. **C.** khe rãnh. **D.** hố trũng.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ và lượng mưa theo tháng của trạm Cần Thơ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Nhiệt độ(0 C) | 25,4 | 26,1 | 27,3 | 28,5 | 28,0 | 27,3  | 26,9 | 26,8 | 26,8 | 26,9 | 26,9 | 25,7  |
| Lượng mưa (mm) | 10,0 | 3,8 | 15,4 | 41,8 | 181,0 | 209,7 | 236,0 | 237,9 | 251,4 | 300,9 | 137,1 | 41,5 |

Theo bảng số liệu trên, thì tổng lượng mưa trong năm và nhiệt độ trung bình năm của trạm Cần Thơ lần lượt là

 **A.** 1666,5 mm và 25,7 0C. **B.** 1666,5 mm và 27,9 0 C.

 **C.** 1666,5 mm và 27,3 0 C. **D.** 1666,5 mm và 26,9 0 C.

**Câu 29:** Mùa mưa ở Bắc Bộ thường sớm hơn Trung Bộ, chủ yếu do hoạt động của

 **A.** Tín phong Đông Bắc. **B.** dải hội tụ nhiệt đới.

 **C.** gió mùa mùa đông. **D.** gió phơn Tây Nam.

**Câu 30:** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình tháng (mm) của trạm Đà Nẵng và Cần Thơ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Đà Nẵng | 81,9 | 23,6 | 25,0 | 35,3 | 81,1 | 82,6 | 92,5 | 141,2 | 350,7 | 628,0 | 448,2 | 218,4 |
| Cần Thơ | 10,0 | 3,8 | 15,4 | 41,8 | 181,0 | 209,7 | 236,0 | 237,9 | 251,4 | 300,9 | 137,1 | 41,5 |

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ mưa giữa trạm Cần Thơ với trạm Đà Nẵng?

 **A.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ ngắn hơn Đà Nẵng.

 **B.** Lượng mưa trung bình năm của Cần Thơ lớn hơn Đà Nẵng.

 **C.** Thời gian mùa mưa ở Cần Thơ trùng với Đà Nẵng.

 **D.** Mùa mưa ở Cần Thơ kết thúc sớm hơn Đà Nẵng.

----------- HẾT ----------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*